

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HS-ST

Ngày: 30/09/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng

Bà Hoàng Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 09 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 104/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 09 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc T, (tên gọi khác: không), sinh năm 1992, tại Ninh Bình. Nơi cư trú: đường T, phố B, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc D và bà Trịnh Thị H ; Vợ: Hà Thị Ph (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, Tiền sự: không.

- Nhân thân:

- Ngày 20/5/2013 Công an phường P, thành phố N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi “Đánh bạc”.

- Ngày 12/11/2013 Công an phường T, thành phố N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo thủ tục đơn giản) số 45/QĐ-XPĐG phạt tiền 1.000.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc”.

Các xử phạt vi phạm hành chính của bị cáo đã được xóa.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình số 94/2022/HSST- QĐTG ngày 14/9/2022, thời hạn 45 ngày kể từ ngày 14/9/2022 trong vụ án Đánh bạc khác, cho đến nay có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Chị Lê Thị X, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: phố V, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Trần Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Phạm Mạnh C11, sinh năm 1984; Nơi cư trú: phố K, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Trịnh Viết Đ, sinh năm 1998; Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: đội 4, thôn Đ Phú, xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Trịnh Hồng L1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Xóm V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Ông Tống Xuân T2, sinh năm 1966; Nơi cư trú: phố Khánh T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Vũ Sơn T1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính, nhưng do muốn có tiền tiêu xài

nên trong khoảng thời gian từ 20/9/2021 đến ngày 19/4/2022, tại thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Ngọc T đã cho những người quen biết là anh Trịnh Hồng L1, chị Lê Thị X, chị Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thanh H, anh Trịnh Viết Đ, anh Vũ Sơn T1, anh Trần Văn C, anh Tống Xuân T2, anh Phạm Mạnh C1 vay tiền không phải cầm cố, thế chấp tài sản với mức lãi suất từ 5.000 đồng/1triệu/1ngày đến 20.000 đồng/1triệu/1ngày (tương đương với mức lãi suất từ 182,5%/ năm đến 730%/ năm) gấp từ 9,125 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/ năm) để thu lợi bất chính. Việc giao dịch cho vay lãi nặng của Nguyễn Ngọc T cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T với anh Trần Văn C:

- Ngày 4/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trần Văn C vay số tiền 30.000.000 đồng. T và anh C thỏa thuận vay lãi ngày, với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T số tiền lãi là 600.000 đồng, khi nào trả hết tiền gốc sẽ không tính tiền lãi. Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 03/4/2022 anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 31 ngày vay là 18.600.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(31\text{ngày} \times 30.000.000\text{đ} \times 0,2 (20\%) : 365 \text{ ngày}) = 509.589 \text{ đồng}$; khoản tiền T thu lợi bất chính là 18.090.411 đồng. Anh C chưa trả khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 11/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trần Văn C vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh C thỏa thuận vay lãi ngày, với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T số tiền lãi là 200.000 đồng. Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 14/3/2022 anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 4 ngày vay là 800.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(4 \times 10.000.000 \text{ đ} \times 0,2 : 365) = 21.918 \text{ đồng}$; khoản tiền T thu lợi bất chính là 778.082 đồng. Anh C đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 24/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trần Văn C vay số tiền 20.000.000 đồng. T và anh C thỏa thuận vay dưới hình thức vay ống, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng, trả trong vòng 50 ngày. Từ ngày 24/3/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 27 ngày vay là 2.700.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(27 \times 20.000.000 \times 0,2 : 365) = 295.890 \text{ đồng}$; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.404.110 đồng. Khoản tiền gốc anh C đã trả cho T là 10.800.000 đồng, chưa trả là 9.200.000 đồng.

- Ngày 25/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trần Văn C vay số tiền 5.000.000 đồng. T và anh C thỏa thuận vay lãi ngày, với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T 100.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 25/3/2022 đến ngày 03/4/2022 anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 10 ngày vay là 1.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(10 \times 5.000.000 \times 0,2 : 365) = 27.397$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 972.603 đồng. Anh C chưa trả khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 4/4/2022 anh C thỏa thuận với T đảo hai khoản vay ngày 04/3/2022 và ngày 25/3/2022, tổng số tiền gốc của hai khoản vay này là 35.000.000 đồng thành hai khoản vay cụ thể:

Chuyển số tiền 20.000.000 đồng trong số tiền anh C vay của T là 35.000.000 đồng thành khoản vay ổng. T và anh C thỏa thuận mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 600.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 04/4/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 16 ngày là 1.600.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(16 \times 20.000.000 \times 0,2 : 365) = 175.342$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.424.658 đồng. Khoản tiền gốc anh C đã trả cho T là 8.000.000 đồng, chưa trả là 12.000.000 đồng.

Chuyển số tiền 15.000.000 đồng trong số tiền anh C vay của T là 35.000.000 đồng thành khoản vay lãi ngày. T và anh C thỏa thuận mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C phải trả cho T 300.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 04/4/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) anh C đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 16 ngày vay là 4.800.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(16 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 131.507$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 4.668.493 đồng. Anh C chưa trả khoản tiền gốc cho T.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Trần Văn C vay là 65.000.000 đồng, với mức lãi suất có lần là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, có lần là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,50%/năm và 730%/năm), gấp 9,125 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh C đã trả cho T là **29.500.000 đồng**: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **1.161.644** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **28.338.356** đồng. Tổng khoản tiền gốc anh C đã trả cho T là 28.800.000 đồng, chưa trả là 36.200.000 đồng.

2. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và anh Vũ Sơn T1:

- Ngày 20/9/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi xuất là 8.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày. Từ ngày 20/9/2021 đến ngày 13/10/2021 anh T1 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 24 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(24 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 131.507$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 10/10/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi xuất là 8.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày. Từ ngày 10/10/2021 đến ngày 02/11/2021 anh T1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 24 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(24 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 131.507$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 29/10/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 29/10/2021 đến ngày 07/12/2021 anh T1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 07/12/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 07/12/2022 đến ngày 15/01/2022 anh T1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày vay là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 09/01/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là

300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 09/01/2022 đến ngày 17/02/2022 anh T1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày vay là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 19/02/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 19/02/2022 đến ngày 30/3/2022 anh T1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày vay là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh T1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 28/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Vũ Sơn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) anh T1 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 23 ngày là 1.150.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(23 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 126.027$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.023.973 đồng. Khoản tiền gốc anh T1 đã trả cho T là 5.750.000 đồng, chưa trả là 4.250.000 đồng.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Vũ Sơn T1 vay là 70.000.000 đồng với mức lãi suất có lần là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, có lần là 8.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,50%/năm và 304,17%/năm), gấp 9,125 lần đến 15,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh T1 đã trả cho T là 13.150.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **1.265.753 đồng**, khoản tiền T thu lợi bất chính là **11.884.247 đồng**. Tổng khoản tiền gốc anh T1 đã trả cho T là 65.750.000 đồng, chưa trả là 4.250.000 đồng.

3. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và anh Phạm Mạnh C1:

- Ngày 16/10/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Phạm Mạnh C1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh C1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 16/10/2021 đến ngày 24/11/2021 anh

C1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh C1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 28/10/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Phạm Mạnh C1 vay số tiền 20.000.000 đồng. T và anh C1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh C1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 600.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 28/10/2021 đến ngày 06/12/2022 anh C1 đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày là 4.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 20.000.000 \times 0,2 : 365) = 438.356$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 3.561.644 đồng. Anh C1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Phạm Mạnh C1 vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,50%/năm), gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh C1 đã trả cho T là 6.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **657.543** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **5.342.466** đồng. Anh C1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

4. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và chị Lê Thị X:

- Ngày 20/9/2021 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 10.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 20/9/2021 đến ngày 29/10/2021 chị X đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Chị X đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 30/10/2021 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 30/10/2021 đến ngày 08/12/2021 chị X đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày vay là 3.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 328.767$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng. Chị X đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 07/12/2021 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 17/12/2021 đến ngày 18/01/2022 chị X đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày là 3.000.000 đồng: trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/năm là $(40 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 328.767$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng. Chị X đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 14/01/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 14/01/2022 đến ngày 22/02/2022 chị X đã trả tổng số tiền lãi cho T trong 40 ngày là 3.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 328.767$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng. Chị X đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 23/02/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 23/02/2022 đến ngày 3/4/2022 chị X đã cho T trả tổng số tiền lãi trong 40 ngày vay là 3.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 328.767$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng. Chị X đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 03/4/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 03/4/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) chị X đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 17 ngày là 1.275.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(17 \times 15.000.000 \times 0,2 : 365) = 139.726$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.135.274 đồng. Khoản tiền gốc chị X đã trả cho T là 6.375.000 đồng, chưa trả là 8.625.000 đồng.

- Ngày 12/4/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Lê Thị X vay số tiền 5.000.000 đồng. T và chị X thỏa thuận vay dưới hình thức lãi ngày, mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị X phải trả cho T 100.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 12/4/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T) chị X đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 8 ngày vay là 800.000 đồng: trong đó khoản

tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(8 \times 5.000.000 \times 0,2 : 365) = 21.918$ đồng ; khoản tiền T thu lợi bất chính là 778.082 đồng. Chị X chưa trả khoản tiền gốc cho T.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho chị Lê Thị X vay là 90.000.000 đồng, với mức lãi suất có lần là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, có lần là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,50%/năm và 730%/năm), gấp 9,125 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi chị X đã trả cho T là 16.075.000 đồng đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **1.695.890 đồng**, khoản tiền T thu lợi bất chính là **14.379.110 đồng**. Tổng khoản tiền gốc chị X đã trả cho T là 76.375.000 đồng, chưa trả là 13.625.000 đồng.

5. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và anh Trịnh Hồng L1:

- Ngày 01/12/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Trịnh Hồng L1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh L1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh L1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 09/01/2022 anh L1 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh L1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 12/01/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trịnh Hồng L1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh L1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh L1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 12/01/2022 đến ngày 20/02/2022 anh L1 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng. Anh L1 đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 02/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trịnh Hồng L1 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh L1 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh L1 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 02/3/2022 đến ngày 27/3/2022 anh L1 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 26 ngày là 1.300.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(26 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 142.466$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là

1.157.534 đồng. Khoản tiền gốc anh L1 đã trả cho T là 6.300.000 đồng, chưa trả là 3.700.000 đồng. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình phát hiện hành vi phạm tội của T là ngày 19/4/2022 thì anh L1 chưa trả khoản tiền lãi cho T là 14 ngày (từ ngày 28/3/2022 đến ngày 10/4/2022) với số tiền lãi là $(14 \times 5.000 \times 10) = 700.000$ đồng; trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(14 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 76.712$ đồng; khoản tiền T nhằm thu lợi bất chính là 623.288 đồng.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Trịnh Hồng L1 vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,50%/năm), gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh L1 đã trả cho T là 5.300.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **580.822** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **4.719.178** đồng , khoản tiền T nhằm thu lợi bất chính là **623.288** đồng. Tổng khoản tiền thu lợi bất chính Nguyễn Ngọc T phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho anh Trịnh Hồng L1 vay là **5.342.466** đồng. Tổng khoản tiền gốc anh L1 đã trả cho T là 26.300.000 đồng, chưa trả là 3.700.000 đồng.

6. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và anh Trịnh Viết Đ:

- Ngày 31/12/2021 Nguyễn Ngọc T cho anh Trịnh Viết Đ vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh Đ thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh Đ phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 31/12/2021 đến ngày 08/02/2022 anh Đ đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng . Anh Đ đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 10/02/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Trịnh Viết Đ vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh Đ thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh Đ phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 10/02/2022 đến ngày 21/3/2022 anh Đ đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng . Anh Đ đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Trịnh Viết Đ vay là 20.000.000 đồng , với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi

suất 182,50%/năm), gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh Đ đã trả cho T là 4.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **438.356** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **3.561.644** đồng. Anh Đ đã trả hết tiền gốc cho T.

7. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị L:

Ngày 05/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Trần Thị L vay số tiền 10.000.000 đồng. T và chị L thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,50%/năm), gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự), mỗi ngày chị L phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 05/03/2022 đến ngày 13/4/2022 chị L đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = \mathbf{219.178}$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là **1.780.822** đồng. Chị L đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

8. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và anh Tống Xuân T2:

- Ngày 10/02/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Tống Xuân T2 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T2 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T2 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 10/02/2022 đến ngày 21/3/2022 anh T2 đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(40 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 219.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là **1.780.822** đồng. Anh T2 đã trả khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 25/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho anh Tống Xuân T2 vay số tiền 10.000.000 đồng. T và anh T2 thỏa thuận vay dưới hình thức vay ổng, mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày anh T2 phải trả cho T cả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày. Từ ngày 25/3/2022 đến ngày 21/4/2022 anh T2 đã trả cho T trong 28 ngày vay, tổng số tiền gốc là 7.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.400.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(28 \times 10.000.000 \times 0,2 : 365) = 153.425$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 1.246.575 đồng. Ngày 19/4/2022 Cơ quan điều tra phát hiện ra hành vi phạm tội của T, tuy nhiên ngày 17/04/2022 anh T2 đã trả trước cho T khoản tiền gốc và lãi đến ngày 21/4/2022.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Tổng Xuân T2 vay là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,50%/năm) , gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi anh T2 đã trả cho T là 3.400.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **372.603** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **3.027.397** đồng. Anh T2 đã trả cho T tổng số tiền gốc là 17.000.000 đồng, chưa trả là 3.000.000 đồng.

9. Giao dịch giữa Nguyễn Ngọc T và chị Đỗ Thị Thanh H:

- Ngày 22/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 5.000.000 đồng. T và chị H thỏa thuận vay lãi ngày với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị H phải trả cho T số tiền lãi là 100.000 đồng. Từ ngày 22/03/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T), chị H đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 29 ngày là 2.900.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(29 \times 5.000.000 \times 0,2 : 365) = 79.452$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 2.820.000 đồng. Chị H chưa trả tiền vay gốc cho T.

- Ngày 28/3/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 1.000.000 đồng. T và chị H thỏa thuận vay lãi ngày với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị H phải trả cho T số tiền lãi là 20.000 đồng. Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 03/4/2022 chị H đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 7 ngày vay là 140.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(7 \times 1.000.000 \times 0,2 : 365) = 3.836$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 136.000 đồng. Chị H đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 10/4/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 2.000.000 đồng. T và chị H thỏa thuận vay lãi ngày với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị H phải trả cho T số tiền lãi là 40.000 đồng. Từ ngày 10/4/2022 đến ngày 12/4/2022 chị H đã trả cho T tổng số tiền lãi trong 3 ngày vay là 120.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(3 \times 2.000.000 \times 0,2 : 365) = 3.288$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 116.712 đồng. Chị H đã trả hết khoản tiền gốc cho T.

- Ngày 13/4/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 5.000.000 đồng. T và chị H thỏa thuận vay lãi ngày với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị H phải trả cho T số tiền lãi là 100.000 đồng.

Từ ngày 13/04/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T), chị H đã trả tổng cho T số tiền lãi trong 7 ngày vay là 700.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(7 \times 5.000.000 \times 0,2 : 365) = 19.178$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 680.822 đồng. Chị H chưa trả tiền vay gốc cho T.

- Ngày 16/4/2022 Nguyễn Ngọc T cho chị Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 1.000.000 đồng. T và chị H thỏa thuận vay lãi ngày với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mỗi ngày chị H phải trả cho T số tiền lãi là 20.000 đồng. Từ ngày 16/04/2022 đến ngày 19/4/2022 (Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của T), chị H đã trả cho T số tiền lãi trong 4 ngày vay là 80.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là $(4 \times 1.000.000 \times 0,2 : 365) = 2.192$ đồng; khoản tiền T thu lợi bất chính là 77.808 đồng. Chị H chưa trả tiền vay gốc cho T.

Tổng khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho chị Đỗ Thị Thanh H vay là 14.000.000 đồng, với mức lãi suất là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 730%/năm), gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho T là 3.940.000 đồng: trong đó khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự mà T được phép thu là **107.945** đồng, khoản tiền T thu lợi bất chính là **3.832.055** đồng. Tổng khoản tiền gốc chị H đã trả cho T là 3.000.000 đồng, chưa trả là 11.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc Nguyễn Ngọc T đã cho anh Trần Văn C, anh Vũ Sơn T1, anh Phạm Mạnh C1, chị Lê Thị X, anh Trịnh Hồng L1, anh Trịnh Viết Đ, chị Trần Thị L, anh Tống Xuân T2, chị Đỗ Thị Thanh H vay là **349.000.000 đồng**, với mức lãi suất từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 730%/năm, gấp từ 9,125 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. T đã thu lợi bất chính khoản tiền lãi là **76.865.275** đồng và nhằm thu lợi bất chính số tiền **623.288 đồng**; Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Ngọc T phải chịu trách nhiệm hình sự là **77.488.563 đồng**.

Ngày 19/4/2022, Công an thành phố Ninh Bình nhận được đơn tố cáo của người dân về việc Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1971, trú tại phố Khánh T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thường xuyên có hành vi mua số lô, đề. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã tiến hành triệu tập P lên làm việc, P đã khai nhận hành vi mua số lô, đề với Nguyễn Ngọc T. Ngày 19/4/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình tiến hành triệu tập T lên làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đánh bạc và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã thu giữ của Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax lắp sim số 0776296668 và 098151151 trong vụ án đánh bạc với Nguyễn Thị Mai P. Kiểm tra chiếc điện thoại trên có nhiều tin nhắn liên quan đến hành vi đánh bạc và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Các khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc T cho anh Trần Văn C, anh Vũ Sơn T1, anh Phạm Mạnh C1, chị Lê Thị X, anh Trịnh Hồng L1, anh Trịnh Viết Đ, chị Trần Thị L, anh Tống Xuân T2, chị Đỗ Thị Thanh H vay có khoản tiền Nguyễn Ngọc T yêu cầu họ viết giấy vay nợ có khoản tiền họ không phải viết giấy vay do quen biết và đã theo dõi khoản vay trên tài khoản zalo trong điện thoại di động nêu trên. Các giấy vay nợ Nguyễn Ngọc T đều giữ, khi họ trả tiền Nguyễn Ngọc T đã xé giấy vay, một số giấy vay Nguyễn Ngọc T đã làm thất lạc nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKSTPNB ngày 08/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

* Tại phiên tòa: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, mức phạt từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 277.225.000 đồng (số tiền gốc bị cáo Nguyễn Ngọc T đã cho anh Trần Văn C, anh Vũ Sơn T1, anh Phạm Mạnh C1, chị Lê Thị X, anh Trịnh Hồng L1, anh Trịnh Viết Đ, chị Trần Thị L, anh Tống Xuân T2, chị Đỗ Thị Thanh H vay và được người vay trả lại) là phương tiện phạm tội. Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 6.499.734 đồng là tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo. Như vậy bị cáo phải nộp 283.724.734 đồng – 5.000.000 đồng (gia đình bị cáo đã nộp thay) = 278.724.734 đồng.

+ Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 36.200.000 đồng của anh Trần Văn C; 4.250.000 đồng của anh Vũ Sơn T1; 13.625.000 đồng của chị Lê Thị X; 3.700.000

đồng của anh Trịnh Hồng L1; 3.000.000 đồng của anh Tống Xuân T2; 11.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Thanh H; đây là tiền gốc mà anh Trần Văn C, anh Vũ Sơn T1, chị Lê Thị X, anh Trịnh Hồng L1, anh Tống Xuân T2, chị Đỗ Thị Thanh H vay và còn nợ lại chưa trả cho bị cáo là phương tiện phạm tội.

- Về nghĩa vụ dân sự: áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho những người vay tổng số tiền 76.865.275 đồng là số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính, cụ thể như sau: Trả lại cho anh Trần Văn C 28.338.356 đồng; trả lại cho anh Vũ Sơn T1 11.884.247 đồng; trả lại cho anh Phạm Mạnh C1 5.342.466 đồng; trả lại cho chị Lê Thị X 14.379.110 đồng; trả lại cho anh Trịnh Hồng L1 4.719.178 đồng; trả lại cho anh Trịnh Viết Đ 3.561.644 đồng; trả lại cho chị Trần Thị L 1.780.822 đồng; trả lại cho anh Tống Xuân T2 3.027.397 đồng; trả lại cho chị Đỗ Thị Thanh H 3.832.055 đồng.

- Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS, nghị quyết số 326 của UBTVQH buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo đề nghị khoản tiền 5.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình để khắc phục hậu quả trừ vào khoản tiền bị cáo phải nộp lại cho Nhà nước. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội, tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo, phù

hợp với số tiền bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chuyển tiền cho nhau qua tài khoản Ngân hàng... Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2021 đến ngày 19/4/2022, tại địa bàn thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã có hành vi nhiều lần cho anh Trần Văn C, anh Vũ Sơn T1, anh Phạm Mạnh C1, chị Lê Thị X, anh Trịnh Hồng L1, anh Trịnh Viết Đ, chị Trần Thị L, anh Tống Xuân T2, chị Đỗ Thị Thanh H vay tổng số tiền gốc là **349.000.000 đồng**, với mức lãi suất từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 730%/năm), gấp từ 9,125 lần đến 36,5 lần , cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/ năm), thu lợi bất chính số tiền **77.488.563 đồng** (đã thu lợi bất chính số tiền là **76.865.275 đồng** và nhằm thu lợi bất chính số tiền **623.288 đồng**). Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Khoản 1 Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

Về nhân thân: Ngày 14/9/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” (bản án chưa có hiệu lực pháp luật);

Bị cáo 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa) cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính quá 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Trong tổng số tiền thu lợi bất chính có số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính và có số tiền bị cáo nhằm thu lợi bất chính, số tiền đã thu lợi bất chính đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm còn số tiền nhằm thu lợi bất chính của bị cáo là 623.288 đồng (dưới 30.000.000 đồng) đã được cộng vào để truy cứu trách nhiệm hình sự nên không áp dụng điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự về phạm tội chưa đạt nhưng cũng được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, cho vay với lãi suất cao hơn rất nhiều so với quy định của pháp luật, đáng lý phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo, tuy nhiên bị cáo đang bị tạm giam và bị xử phạt tù giam trong vụ án đánh bạc khác, bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp được hình phạt và không giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục và khấu trừ một phần thu nhập được. Do vậy HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Ngày 17/4/2022 và 18/4/2022 Nguyễn Ngọc T thực hiện hành vi đánh bạc với Nguyễn Thị Mai P. Tại bản án số 97/2022/HS-ST ngày 14/09/2022, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã xử phạt 07 tháng tù, về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 19/4/2022, đồng thời Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án, (hành vi phạm tội sau kết án trước), hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên lần phạm tội này của bị cáo, Hội đồng xét xử không xác định tái phạm và không tổng hợp hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Các vấn đề khác:

* Các biện pháp tư pháp:

- Đối với toàn bộ khoản tiền gốc 349.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Ngọc T dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ nhà nước. Do vậy cần buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo tổng là 277.225.000 đồng (anh Trần Văn C đã trả 28.800.000 đồng, anh Vũ Sơn T1 đã trả 65.750.000 đồng, anh Phạm Mạnh C1 đã trả 30.000.000 đồng, chị Lê Thị X đã trả 76.375.000 đồng, anh Trịnh Hồng L1 đã trả 26.300.000 đồng, anh Trịnh Viết Đ đã trả 20.000.000 đồng, chị Trần Thị L đã trả 10.000.000 đồng, anh Tống Xuân T2 đã trả 17.000.000 đồng, chị Đỗ Thị Thanh H đã trả 3.000.000 đồng). Buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo T phải nộp lại khoản tiền gốc, cụ thể: anh Phạm Mạnh C1 36.200.000 đồng, anh T1 4.250.000 đồng, chị X 13.625.000 đồng, anh L 3.700.000 đồng, anh T 3.000.000 đồng, chị Đỗ Thị Thanh H 11.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thu của anh Trần Văn C là 1.161.644 đồng, anh T1 là 1.265.753 đồng , anh Phạm Mạnh C1 là 657.543 đồng, anh T là 372.603 đồng, chị X là 1.695.890 đồng, chị L là 219.178 đồng, anh L là 580.822 đồng, chị H là 107.945 đồng, anh Đ là 438.356 đồng: đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền mà bị cáo đã thu của họ tổng là 6.499.734 đồng để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Tổng cộng: bị cáo phải nộp lại số tiền là 277.225.000 đồng + 6.499.734 đồng = 283.724.734 đồng. Ngày 29/9/2022, tại Chi cục thi hành án thành phố Ninh Bình gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, theo đề nghị của bị cáo sẽ trừ vào khoản tiền bị cáo phải nộp lại cho nhà nước; như vậy bị cáo chỉ còn phải nộp lại số tiền là 283.724.734 đồng - 5.000.000 đồng = 278.724.734 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thu của người vay là anh Trần Văn C 28.338.356 đồng, anh Phạm Mạnh C1 5.342.466 đồng, anh T1 11.884.247 đồng, chị X 1.695.890 đồng, chị L 1.780.822 đồng, anh T 3.027.397 đồng, anh L 4.719.178 đồng, anh Đ 3.561.644 đồng, chị H 3.832.055 đồng: đây là khoản tiền mà bị cáo T thực tế đã thu lợi bất chính của người vay, bản thân những người vay cũng khẳng định sử dụng tiền vay vào mục đích hợp pháp, có yêu cầu trả lại nên cần buộc bị cáo phải trả lại các khoản tiền trên cho người vay là anh Trần Văn C, anh Phạm Mạnh C1, anh T1, chị X, chị L, anh T2, anh L1, anh Đ, chị H .

+ Đối với khoản tiền lãi mà bị cáo T nhằm thu lợi bất chính của anh L1 là **623.288** đồng, thực tế bị cáo chưa thu số tiền trên của anh L1 nên trường hợp này chỉ xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về số tiền nhằm thu lợi bất chính

chứ không buộc bị cáo phải nộp lại khoản tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự và trả lại cho anh L1 về số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax lắp sim số 0776296668 và 0981511511 mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã thu giữ của Nguyễn Ngọc T trong vụ án đánh bạc: vừa là vật chứng trong vụ án này vừa là vật chứng trong vụ án Đánh bạc và đã được xử lý tại bản án số 97/2022/HS-ST ngày 14/09/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 46; Điều 47 48 Bộ luật hình sự.

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1 - Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 277.225.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người vay là 6.499.734 đồng (sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi tư đồng); Tổng là 283.724.734 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi tư đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước. Ngày 29/9/2022, tại Chi cục thi hành án thành phố Ninh Bình

gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng (biên lai thu tiền số 0000834), nên bị cáo chỉ còn phải nộp lại số tiền là 278.724.734 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi tư đồng).

- Buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền gốc chưa trả để tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể:

Anh Trần Văn C phải nộp lại khoản tiền gốc là 36.200.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng);

Anh Vũ Sơn T1 phải nộp lại khoản tiền gốc là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

Chị Lê Thị X phải nộp lại khoản tiền gốc là 13.625.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Anh Trịnh Hồng L1 phải nộp lại khoản tiền gốc 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng);

Anh Tống Xuân T2 phải nộp lại khoản tiền gốc là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

Chị Đỗ Thị Thanh H phải nộp lại khoản tiền gốc là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho những người vay khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T thực tế đã thu của họ, cụ thể:

Trả lại cho anh Trần Văn C là 28.338.356 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng);

Trả lại cho anh Vũ Sơn T1 11.884.247 đồng (mười một triệu tám trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng);

Trả lại cho anh Phạm Mạnh C1 là 5.342.466 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng);

Trả lại cho chị Lê Thị X là 14.379.110 đồng (mười bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn một trăm mười đồng);

Trả lại cho anh Trịnh Hồng L1 là 4.719.178 đồng (bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng);

Trả lại cho anh Trịnh Viết Đ là 3.561.644 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng);

Trả lại cho anh Tống Xuân T2 là 3.027.397 đồng (ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng);

Trả lại cho chị Đỗ Thị Thanh H là 3.832.055 đồng (ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THA.DS thành phố Ninh Bình;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQĐVA;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Giang Thị Thúy Thu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giang Thị Thúy Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THA.DS thành phố Ninh Bình;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQĐVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu (Hồ sơ, VP);

Giang Thị Thúy Thu